

Dưới đây là phần hướng dẫn soạn unit 7 lớp 7 Looking back sách mới được chia sẻ miễn phí, hỗ trợ các em ôn luyện hiệu quả. Mời các em học sinh cùng quý thầy cô tham khảo.

Soạn Tiếng Anh mới 7 unit 7 – Looking back SGK trang 14

1. What do these signs mean? Write The meaning below each sign. Then put them into the correct box.

(Những biển báo sau có ý nghĩa gì? Viết ý nghĩa của chúng mỗi biển báo. Sau đó xếp chúng vào đúng nhóm.)

- 1. traffic lights: đèn giao thông.
- 2. school ahead: trường học phía trước.
- 3. hospital ahead: bệnh viện phía trước.

4. cycle lane: làn đường cho xe đạp.

5. parking: bãi đỗ xe.

6. no parking: cấm đỗ xe.

7. left turn only: chỉ được rẽ trái.

8. no cycling: cấm xe đạp.

PROHIBITION SIGNS (CÁC BIÊN CẤM)

no parking (cấm đỗ xe)

no cycling (cấm xe đạp)

WARNING SIGNS

(CÁC BIÊN BÁO)

traffic lights (các đèn giao thông)

school ahead (phía trước là trường học)

left turn only (chỉ rẽ trái)

INFORMATION SIGNS

(CÁC BIÊN CHỈ DẪN)

hospital ahead (phía trước là bệnh viện)

cycle lane (làn đường dành cho xe đạp)

parking (nơi đỗ xe)

2. Write the names of means of transport in the word web below. Then draw lines joining the correct verbs to the transport.

(Viết tên các phương tiện giao thông trong mạng từ dưới đây. Sau đó vẽ các đường thẳng nối động từ với phương tiện giao thông.)

Means of transport: plane, bicycle, ship, motorbike, train, bus, boat, taxi, car, etc.

ride a bicycle/motorbike.

drive a car/bus.

fly a plane.

sail a boat.

get on a bus/car/train/boat/plane/taxi.

get off a bus/car/train/boat/plane/taxi.

3. Change the sentences according to the prompts in brackets.

(Thay đổi các câu sau dựa vào các gợi ý trong ngoặc.)

1. Did you use to go to school on foot?
2. Mr Van didn't use to ride his motorbike dangerously.
3. Did the streets use to be cleaner and more peaceful?
4. I used to go out on Sundays.
5. They didn't use to go on holiday together.

Hướng dẫn dịch

1. Bạn từng đi bộ đến trường phải không?
2. Ông Văn đã từng đi xe máy nguy hiểm.
3. Đường xá đã từng sạch hơn và yên bình hơn.
4. Tôi đã từng không đi ra ngoài vào những ngày Chủ nhật.
5. Họ đã từng đi nghỉ mát cùng nhau

4. Write sentences using these cues.

(Viết câu sử dụng các gợi ý sau.)

1. It's over 100 km from my hometown to Ho Chi Minh City.
2. It's about 25 km from my grandparent's house.
3. I used to ride a small bike in the yard outside my flat.

4. There used to be a bus station in the city centre, but it has been moved to the suburb.
5. Children must learn about road safety before they are allowed to ride a bike on the road.

Hướng dẫn dịch

1. Nhà tôi cách Thành phố Hồ Chí Minh hơn 100km.
2. Cách khoảng 25km là đến nhà ông bà tôi.
3. Tôi từng chạy xe đạp nhỏ trên sân bên ngoài căn hộ của tôi.
4. Từng có một trạm xe buýt ở trung tâm thành phố, nhưng nó đã được dời ra ngoại thành rồi.
5. Trẻ con phải học về an toàn đường bộ trước khi chúng được phép đạp xe trên đường.

5. Match the questions 1-6 with the answers a-f.

(Nối câu hỏi từ 1-6 với các câu trả lời từ a-f.)

1-b

2-a

3-e

4-d

5-f

6-c